SAO Y

Người ký: Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai
Email: hdnd@dongnai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 14.07.2023 07:56:32 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2023/NQ-HĐND	*Đồng Nai, ngày 14 tháng 7 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

Xét Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về dự thảo Nghị quyết về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng nộp lệ phí hộ tịch

Người nộp lệ phí là cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật.

b) Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch

- Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật;

- Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng;

- Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

- Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh;

- Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học;

- Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.

c) Đơn vị tổ chức thu lệ phí hộ tịch

- Sở Tư pháp.

- Phòng Tư pháp các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

3. Nội dung thu và mức thu (Phụ lục kèm theo)

4. Quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch

a) Tổ chức thu lệ phí hộ tịch nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí cho việc thu lệ phí hộ tịch do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của cơ quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm.

b) Các nội dung khác liên quan đến chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện tại các Kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Thái Bảo

Phụ lục

BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ HỘ TỊCH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: VNĐ (đồng)

STT	Công việc về hộ tịch	Mức thu	Ghi chú
I. Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã			
1	Khai sinh (đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	10.000	
2	Khai tử: đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử	10.000	
3	Đăng ký lại việc kết hôn	30.000	
4	Nhận cha, mẹ, con	30.000	
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú trong nước	15.000	
6	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	15.000	
7	Ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc xác nhận hộ tịch	10.000	
8	Đăng ký hộ tịch khác	10.000	
II. Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện			
1	Khai sinh	70.000	
2	Khai tử	50.000	
3	Kết hôn	1.500.000	
4	Giám hộ	50.000	
5	Nhận cha, mẹ, con	1.500.000	
6	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước, xác định lại dân tộc	30.000	
7	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	70.000	

8	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	100.000	
9	Xác nhận hộ tịch	20.000 đồng	
10	Đăng ký hộ tịch khác	60.000 đồng	
III. Mức thu đối với lĩnh vực xác nhận hộ tịch tại Sở Tư pháp			
Xác nhận hộ tịch		20.000 đồng	
IV. Trường hợp đăng ký hộ tịch trực tuyến			
1	Đối với việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	Miễn 100%	
2	Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tư pháp	50% mức thu tại mục II, III	